| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ**<br>**TỈNH VĨNH PHÚC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 29/2018/HS-ST
Ngày 12 tháng 06 năm 2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Đỗ Thành Công

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Dương Văn Vườn

2. Bà Lê Thị Chiên

***Thư ký phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2018/TLST - HS ngày 28 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 06 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: PVT, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1988.

Nơi cư trú: thôn DM, xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: PVT và bà: NTĐ; vợ là: VTQ; có 02 con: lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/03/2018 đến ngày 26/3/2018, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:*

1. Anh PVQ, sinh năm 1991, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn BC, xã AT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Anh ĐTH, sinh năm 1977, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn HL, xã NL, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông PVT1, sinh năm 1959, có mặt.

Nơi cư trú: thôn DM, xã K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Anh NVT, sinh năm 1993, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn HB, xã TH, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Anh TXM, sinh năm 1984, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn ĐO, xã HS, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc

4. Anh HQV, sinh năm 1987, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn TL, xã HS, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h00 ngày 16/3/2018, PVT ( T là công nhân của công ty TNHH gỗ Rongria đóng trên địa bàn thôn HT, xã HC, huyện Đ) điều khiển xe mô tô BKS 88S8 - 9470 đến công ty để làm việc. Đến nơi T mệt nên xin phép anh TA (là quản lý) nghỉ làm, được anh TA đồng ý, sau đó T không về nhà mà ở lại công ty chơi. Đến khoảng 23h30' cùng ngày, T rủ anh NVB, sinh năm 1981 - là công nhân, đang làm tại công ty - đi ăn đêm, anh B đồng ý và cả hai cùng đi. Khoảng 01h00 ngày 17/03/2018, sau khi ăn xong thì anh B đi về nhà còn T điều khiển xe quay lại công ty mục đích để trộm cắp tài sản. T đi đến lán để xe của công ty thì thấy xe mô tô BKS: 88L1 - 188.12 của anh PVQ để ở đó. Quan sát thấy không có người, T liền dắt xe mô tô của anh Q đến dựng phía cuối lán và dùng tay trái nhấc yên xe lên , tay phải thò vào trong cốp lấy được 01 tập tiền được buộc bằng dây chun rồi giấu vào túi quần ph ía trước bên phải đang mặc . Sau đó T ra khu vực lò hơi lấy tập tiền vừa trộm cắp ra đếm được 3.500.000đ đều là loại polime mệnh giá 50.000đ. Đếm xong, T cất tiền vào người rồi điều khiển xe mô tô ra thành phố VY chơi, đến khoảng 9h Tĩnh đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh NVT tại thị trấn G, huyện BX sửa xe, thay phụ tùng xe hết 2.300.000đ. Đến 12h00 cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ triệu tập T đến trụ sở để làm việc, tại đây T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thu giữ số tiền 2.330.000đ của T để điều tra làm rõ.

Tại cơ quan điều tra Tĩnh khai nhận ngoài lần trộm cắp nêu trên thì ngày 16/3/2018 PVT còn thực hiện trộm cắp tài sản của anh ĐTH. Cụ thể như sau: Sáng ngày 16/3/2018, PVT rủ anh TXT, sinh năm 1980 - là công nhân làm cùng công ty TNHH gỗ Rongria - đi ăn sáng, anh XT đồng ý và đi cùng T. Khoảng 12h cùng ngày, sau khi ăn xong T rủ anh TXT vào công ty chơi, anh TXT đồng ý và điều khiển xe mô tô BKS 60Y1- 2763 của mình còn T điều khiển xe mô tô BKS 88S8 - 9470 của T đến công ty. Đến nơi anh TXT đi đến khu vực lò hơi ngồi uống nước còn T một mình đi đến xưởng ép nhiệt mục đích để trộm cắp tài sản. Do đến giờ nghỉ trưa nên công nhân của xưởng nghỉ không còn ai ở đó, T phát hiện 01 balo màu xanh đen của anh ĐTH để ở trên bờ tường. Lợi dụng sơ

hở không có người, Ti đến cầm chiếc balo rồi mở khoá ra thì phát hiện bên trong có 01 chiếc áo khoác màu đen, trong túi áo khoác có 01 chiếc ví màu đen, T mở ví ra thấy có tiền nên đã lấy tiền giấu vào túi quần bò bên phải phía trước đang mặc rồi cất trả ví vào túi áo khoác, và để balo lại chỗ cũ. Sau đó, T điều khiển xe đi theo hướng đường 36m HC đi ĐT để về nhà. Trên đường đi, T dừng lại lấy số tiền vừa trộm cắp được ra đếm được 3.865.000đ (gồm 38 tờ tiền polime mệnh giá 100.000đ; 03 tờ polime mệnh giá 20.000đ và 01 tờ tiền giấy mệnh giá 5.000đ) đếm xong T tiếp tục điều khiển xe đi xuống xã HS, huyện BX trả nợ cho anh TXM 600.000đ; anh HQV 750.000đ và chi tiêu cá nhân T không nhớ cụ thể, số còn lại T để trong ví. Khi bị bắt T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra để điều tra làm rõ.

Ngày 17/3/2018, anh PVQ và anh ĐTH có đơn trình báo Cơ quan Công an huyện Đ và đề nghị xử lý PVT theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/3/2018, ông PVT1, sinh năm 1959 ở DM, K, TD - là bố đẻ của T - đã tự nguyện bồi thường đủ cho anh ĐTH số tiền 3.865.000đ; anh PVQ số tiền là 3.500.000đ. Sau khi nhận đủ tiền anh H, anh Q không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T. Ông T1 cũng không yêu cầu T phải trả lại cho ông số tiền mà ông đã bồi thường cho anh H và anh Q.

Đối với anh TXM được T trả nợ 600.000đ, anh HQV được T trả nợ 750.000đ; anh NVT được T trả tiền sửa xe mô tô là 2.300.000đ. Khi trả tiền T không nói và các anh M, V, T không biết đó là tiền do T trộm cắp mà có. Số tiền anh M, anh V và anh T nhận được từ T các anh đã chi tiêu cá nhân hết nên Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh TXT là người đi cùng T, nhưng anh TXT không biết T vào công ty để trộm cắp tài sản do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Cáo trạng số: 28/CT-VKSTĐ ngày 26 tháng 05 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố PVT về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ luận tội đối với bị cáo T, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tĩnh từ 06 tháng đến 09 tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo PVT khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo thừa nhận đã trộm cắp của ĐTH số tiền 3.865.000đ vào ngày 16/03/2018 và anh PVQ số tiền 3.500.000đ vào ngày 17/3/2018 tại trụ sở công ty TNHH Gỗ Rongria, thôn HT, xã HC, huyện TĐ, như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng và không có lời bào chữa nào khác.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo PVT phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Điều luật quy định*: "1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

3. Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự mất cảnh giác của đồng nghiệp nơi làm việc, đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản phục vụ cho nhu cầu ích kỷ của bản thân. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử đã cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị cáo tự khai nhận hành vi trộm cắp đối với số tiền của anh Hoa nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1+ khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Đây là các tình tiết được xem xét khi lượng hình đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (phạm tội từ 02 lần trở lên) nên cần xử phạt bị cáo một mức án phạt tù nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *" Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ"*. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo T thấy rằng: bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn,

vợ chồng bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ, gia đình không có tài sản có giá trị lớn, việc trộm cắp của bị cáo không đem lại nguồn lợi cho gia đình vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Đối với anh TXM được T trả số tiền 600.000đ; anh HQV được T trả số tiền 750.000đ; anh NVT được T trả số tiền 2.300.000đ bằng số tiền trộm cắp được, nhưng các anh M, V, T không biết số tiền đó là do T phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh TXT là người đi cùng T, nhưng anh T không biết T vào công ty để trộm cắp tài sản do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với ông PVT1 là bố đẻ bị cáo T, ông đã thay mặt bị cáo bồi thường cho anh ĐTH 3.865.000đ, anh PVQ số tiền 3.500.000đ. Tại phiên tòa ông T1 cho bị cáo số tiền trên, không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

Ngày 26/3/2018 anh ĐTH đã nhận được số tiền bồi thường 3.865.000đ, anh PVQ nhận được số tiền bồi thường 3.500.000đ và không có yêu cầu gì khác, Hội đồng xét xử cần xác nhận việc bồi thường là đủ.

Đối với số tiền 2.330.000đ thu giữ của T, qúa trình điều tra bố đẻ của bị cáo đã bồi thường đủ số tiền trộm cắp cho người bị hại, nên cần trả lại cho T số tiền trên nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

6. Về án phí: Bị cáo PVT phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ vào:* khoản 1 Điều 173; khoản 2 Điều 47; điểm b, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

*Tuyên bố:* Bị cáo PVT phạm tội "Trộm cắp tài sản".

*Xử phạt:* PVT 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/3/2018 đến ngày 26/3/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

*Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:*

Xác nhận ngày 26/3/2018 ông PVT1 đã thay bị cáo PVT đã bồi thường đủ cho anh ĐTH số tiền 3.865.000đ, anh PVQ số tiền 3.500.000đ là đúng chủ sở hữu.

Trả lại cho PVT 2.330.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2018 giữa Cơ quan cảnh

sát điều tra Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ).

Án phí: PVT phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã nơi cư trú.

***Nơi nhận:***
*- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
*- VKSND huyện Đ;*
*- CCTHADS huyện Đ;*
*- Công an huyện Đ;*
*- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;*
*- UBND xã K, TD;*
*- Bị cáo, Bị hại;*
*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ LQ;*
*- Lưu hồ sơ, văn phòng.*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

Đỗ Thành Công